

Bản án số: 10/2022/DS-ST
Ngày 20 - 01 - 2022
V/v tranh chấp hụi

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÀM DƠI, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Giang Nam

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Kim Kết

Ông Nguyễn Văn Hiền

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Diễm My là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đam Dơi.

Ngày 20 tháng 01 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đam Dơi xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 362/2021/TLST-DS ngày 29 tháng 11 năm 2021 về tranh chấp hụi theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 445/2021/QĐXXST-DS ngày 30 tháng 12 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Hồng N, sinh năm 1977.

Cư trú tại: Khóm 4, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh C. (có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Ông Trần Hoàng H là trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Cà Mau. (có mặt)

- Bị đơn: Bà Nguyễn Bích L, sinh năm 1982.

Ông Lê Minh B, sinh năm 1978.

Cùng cư trú tại: Khóm 5, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh C. (bà L có mặt, ông B vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 29 tháng 11 năm 2021 trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa nguyên đơn bà Trần Hồng N trình bày: Trước đây, ông B và bà L có đến rủ bà tham gia chơi hụi, thấy chỗ quen biết nên bà tham gia chơi 07 chung ở 02 đây, cụ thể như sau:

+ Đây thứ nhất, hụi 3.000.000 đồng, mở ngày 15/6/2017 âl, mỗi tháng khai 01 lần, hụi gồm có 18 chung, bà tham gia 04 (bốn) chung. Khi tham gia 04 chung này bà đóng đến mãn vào ngày 15/11/2018 âl, ông B và bà L chưa chung hụi cho bà và thiếu số tiền 01 chung là 42.000.000 đồng – 1.500.000 đồng (tiền cò) còn lại là

40.500.000 đồng. Như vậy với 04 chung, ông B và bà L thiếu bà số tiền như sau:
 $40.500.000 \text{ đồng} \times 04 \text{ chung} = 162.000.000 \text{ đồng}$

+ Dây thứ hai, hụi 2.000.000 đồng, mở ngày 30/8/2017 âm, mỗi tháng khai 01 lần, hụi gồm có 19 chung, bà tham gia 03 (ba) chung. Khi tham gia 03 chung hụi này bà đóng được 11 đợt thì bà L và ông B đình hụi vào ngày 15/7/2018 âm. Ngày 28/7/2018 âm bà L với bà hai bên đối chiếu tiền hụi và bà L viết biên nhận cho bà, theo đó bà L tự xác định tổng 11 kỳ của 01 chung hụi ở đây này số tiền thực tế bà đóng cho bà L là $16.000.000 \text{ đồng} \times 03 \text{ chung} = 48.000.000 \text{ đồng}$. Cộng với 162.000.000 đồng ở đây hụi mở ngày 15/6/2017 âm, thì bà L xác định còn thiếu bà tổng số tiền 01 dây hụi là 210.000.000 đồng.

Sau khi bà L xác nhận nợ, ông B và bà L có trả dần cho bà đó tính đến ngày 30/7/2020 âm được 36.000.000 đồng. Còn lại 174.000.000 đồng đến nay không trả tiếp cho bà.

Nay, bà yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Lê Minh B và bà Nguyễn Bích L trả cho bà số tiền hụi còn thiếu tổng số tiền 174.000.000 đồng.

Trong quá trình giải quyết cũng như tại phiên tòa bị đơn bà Nguyễn Bích L trình bày: Bà L xác định vào khoảng năm 2017 bà Nhiên có tham gia chơi 07 chung ở 02 dây do bà làm đầu thảo đúng như bà N trình bày.

+ Dây thứ nhất, loại hụi 3.000.000 đồng, mở ngày 15/6/2017 âm, mỗi tháng khai 01 lần, hụi gồm có 18 chung, bà N tham gia 04 chung.

+ Dây thứ hai, loại hụi 2.000.000 đồng, mở ngày 30/8/2017 âm, mỗi tháng khai 01 lần, hụi gồm có 19 chung, bà N tham gia 03 chung.

Khi bà mở các dây hụi, do có một số hụi viên bỏ đi không đóng hụi cho bà nên đến tháng 7/2018 âm bà ngưng hụi cho đến nay. Sau khi bà ngưng hụi, bà với bà N có làm biên nhận đối chiếu tiền đóng hụi của bà N tham gia. Dây hụi 3.000.000 đồng, mở ngày 15/6/2017 âm đã mãn, bà thiếu bà N tổng cộng số tiền là 162.000.000 đồng. Dây hụi 2.000.000 đồng, mở ngày 30/8/2017 âm, bà N đóng hụi thực tế được 48.000.000 đồng, tổng cộng 02 dây hụi bà thiếu bà N là 210.000.000 đồng. Sau khi đối chiếu tiền bà N đóng hụi, bà trả cho bà N nhiều lần có khi trả trực tiếp cho bà N, có khi bà gửi người khác trả cho bà N được tổng số tiền là 36.000.000 đồng. Nay bà xác định còn thiếu bà N tổng số tiền hụi của 07 chung hụi là 174.000.000 đồng.

Bà xác định khi bà mở hụi giữa bà và ông Lê Minh B vẫn còn tồn tại mối quan hệ vợ chồng, khi bà đình hụi vào năm 2018, bà với ông B ly thân đến nay nhưng chưa ly hôn. Và bà xác định số tiền nợ hụi của bà N là khoản nợ riêng của bà, không phải nợ chung của bà và ông B nên bà đồng ý một mình bà trả nợ cho bà N.

Trong quá trình giải quyết bị đơn ông Lê Minh B trình bày: Ông xác định sau khi vợ ông là L đình hụi, giữa bà L cùng với bà N thống nhất thỏa thuận bà L mỗi tháng trả cho bà N từ một triệu đến hai triệu đồng, sau khi thỏa thuận bà L đã thực hiện trả đều cho bà N. Và gần đây bà N thống nhất với bà D, bà H nhờ bà D

đứng tên chơi hụi cho bà L , khi hốt chia đều trả cho bà N , bà D và bà L . Nay bà N khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông trả nợ hụi cho bà N ông không đồng ý.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Vào ngày 13/12/2021 ông Lê Minh B có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 227, của Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông B .

[2] Về quan hệ tranh chấp: Việc bà Trần Hồng N khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Bích L và ông Lê Minh B trả số tiền hụi còn thiếu. Do đó quan hệ pháp luật tranh chấp cần giải quyết là tranh chấp về giao dịch dân sự theo khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của bà N yêu cầu bà L và ông B trả số tiền 07 chung hụi còn thiếu tổng số tiền 174.000.000 đồng. Hội đồng xét xử thấy rằng, theo các biên bản đối chiếu tiền hụi ngày 28/7/2018 âl; tháng 9/2018 âl, tháng 11-12/2019; các tháng 01-07/2020 âl và biên bản hòa giải ngày 30/12/2021, cũng như tại phiên tòa bà L thừa nhận còn thiếu tiền 07 chung hụi của bà N và bà đồng ý trả cho N tổng số tiền hụi còn thiếu là 174.000.000 đồng. Do đó, căn cứ vào khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự quy định “...*Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết...mà bên đương sự đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh...*” nên đây là những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh.

[4] Đối với yêu cầu của bà N buộc bà L và ông B liên đới cung trả nợ cho bà; bà L và ông B xác định số tiền nợ hụi là khoản nợ riêng của bà L . Xét thấy, tại biên bản hòa giải ngày 30/12/2021 và tại phiên tòa bà N xác định tại thời điểm bà mở hụi, bà và ông B đang tồn tại mối quan hệ vợ chồng và chưa được Tòa án giải quyết chấm dứt quan hệ hôn nhân. Hơn nữa, việc chơi hụi trong cộng đồng dân cư nhằm mục đích giúp đỡ lẫn nhau để phát triển kinh tế gia đình, cũng như thu nhập hợp pháp của vợ hoặc chồng trong thời kỳ hôn nhân. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 27 và Điều 37 Luật hôn và nhân gia đình; Điều 288 Bộ luật dân sự buộc bà L và ông B phải có trách nhiệm liên đới trả tiền hụi cho bà N .

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Hồng Nhiên. Buộc bà Nguyễn Bích Liễu và ông Lê Minh Bôm liên đới trả cho bà Nhiên tổng số tiền hụi còn thiếu 174.000.000 đồng.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Vào ngày 28/12/2021 bà L và ông B có đơn xin miễn, giảm án phí và được xét giảm án phí theo quy định tại khoản 1 Điều 13, khoản 1 Điều 14 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016. Bà L và ông B phải chịu 4.350.000 đồng (174.000.000 đồng x 2,5%).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 147, điểm a, b khoản 2 Điều 227, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 288, Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26, khoản 1 Điều 13, khoản 1 Điều 14 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Hồng N .

Buộc bà Nguyễn Bích L và ông Lê Minh B liên đới trả cho bà Trần Hồng N số tiền 174.000.000 đồng (một trăm bảy mươi bốn triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, nếu chậm thi hành án thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Bích L và ông Lê Minh B phải chịu 4.350.000 đồng (bốn triệu ba trăm năm mươi ngàn đồng).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VT.Tòa án Đầm Dơi.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Ngô Giang Nam

